VIUP

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA
PHÂN VIỆN QUY HOẠCH ĐT & NT MIỀN TRUNG
230/5 TÔN ĐỨC THẮNG, ĐÀ NẴNG. TEL: 0511 7601190 FAX: 0511 7601189

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHU VỰC PHÍA BẮC THỊ TRẤN PLEIKẦN - HUYỆN NGỌC HỒI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG, VÀ HÀNH LANG BẢO VỆ CÁC TUYẾN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

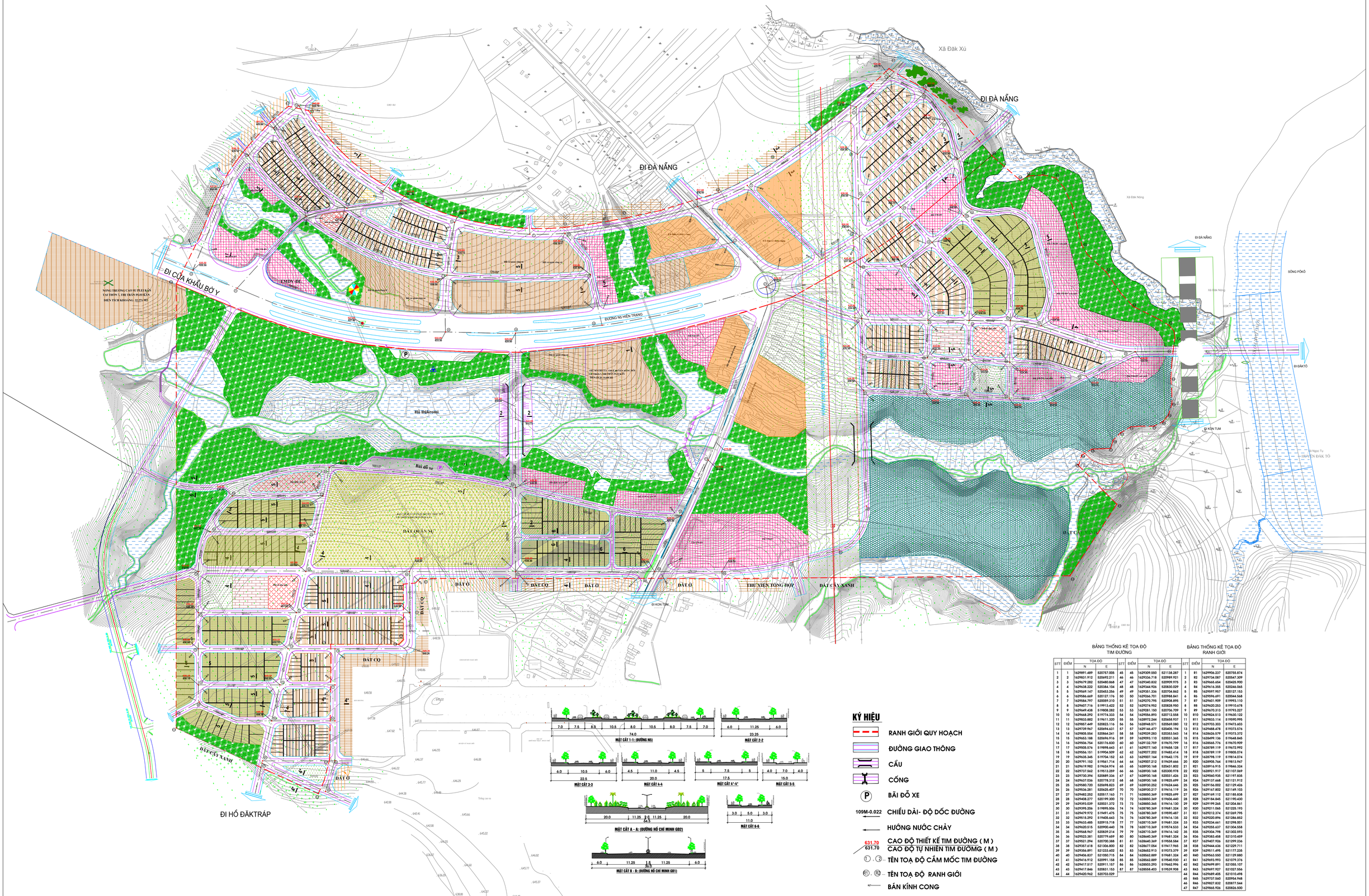

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- CẦU
- CỐNG
- BÃI ĐỖ XE
- 109M-0.022 CHIỀU DÀI- ĐỘ DỐC ĐƯỜNG
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- 631.70 / 631.70 CAO ĐỘ THIẾT KẾ TIM ĐƯỜNG (M) / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN TIM ĐƯỜNG (M)
- ①, ② TÊN TOẠ ĐỘ CẮM MỐC TIM ĐƯỜNG
- R1, R2 TÊN TOẠ ĐỘ RANH GIỚI
- R= BÁN KÍNH CONG

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ TIM ĐƯỜNG

STT	ĐIỂM	TOẠ ĐỘ N	TOẠ ĐỘ E	STT	ĐIỂM	TOẠ ĐỘ N	TOẠ ĐỘ E
1	1	1629891.489	520757.005	45	45	1629309.550	521138.287
2	2	1629831.912	520692.211	46	46	1629336.718	520989.921
3	3	1629679.282	520480.868	47	47	1629340.832	520909.975
4	4	1629638.222	520384.104	48	48	1629344.926	520830.029
5	5	1629569.147	520453.356	49	49	1629351.336	520704.862
6	6	1629586.697	520127.176	50	50	1629366.701	520968.841
7	7	1629584.797	520089.310	51	51	1629370.795	520908.895
8	8	1629607.716	519913.422	52	52	1629274.952	520828.950
9	9	1629649.438	519808.282	53	53	1629281.180	520706.709
10	10	1629668.290	519774.333	54	54	1629066.893	520712.558
11	11	1629833.882	519611.320	55	55	1628972.244	520568.937
12	12	1629857.449	520823.116	56	56	1628948.571	520569.080
13	13	1629739.967	520694.631	57	57	1629146.477	520405.194
14	14	1629805.564	520564.241	58	58	1629039.283	520353.543
15	15	1629653.188	520569.916	59	59	1629093.110	520031.366
16	16	1629606.764	520176.830	60	60	1629132.759	519670.799
17	17	1629505.576	519898.643	61	61	1629077.160	519668.128
18	18	1629556.151	519904.509	62	62	1629077.202	519482.414
19	19	1629630.345	519704.182	63	63	1629007.164	519642.175
20	20	1629791.182	519561.714	64	64	1629007.212	519439.666
21	21	1629619.982	519624.974	65	65	1628930.168	520431.802
22	22	1629737.562	519513.289	66	66	1628930.168	520300.978
23	23	1629730.394	520889.336	67	67	1628930.168	520031.426
24	24	1629637.036	520778.312	68	68	1628930.168	519826.699
25	25	1629560.720	520698.823	69	69	1628930.282	519624.646
26	26	1629536.281	520625.407	70	70	1628930.217	519416.119
27	27	1629482.282	520517.163	71	71	1628850.369	519826.699
28	28	1629408.277	520199.300	72	72	1628850.369	519606.440
29	29	1629393.039	520031.372	73	73	1628850.365	519416.130
30	30	1629395.206	519895.506	74	74	1628780.369	519681.324
31	31	1629479.972	519491.475	75	75	1628780.369	519590.487
32	32	1629515.292	519405.643	76	76	1628780.369	519416.135
33	33	1629633.485	520915.718	77	77	1628710.369	519681.324
34	34	1629633.515	520905.440	78	78	1628710.369	519574.533
35	35	1629568.967	520839.214	79	79	1628710.369	519416.142
36	36	1629523.381	520779.689	80	80	1628640.369	519681.324
37	37	1629521.294	520700.388	81	81	1628640.369	519558.584
38	38	1629357.618	521306.800	82	82	1628677.054	519417.969
39	39	1629366.991	521253.602	83	83	1628602.913	519373.379
40	40	1629406.837	521050.715	84	84	1628562.889	519681.324
41	41	1629416.912	520991.158	85	85	1628562.889	519540.930
42	42	1629417.517	520911.157	86	86	1628503.293	519662.996
43	43	1629417.846	520831.153	87	87	1628558.403	519539.908
44	44	1629420.963	520703.029				

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI

STT	ĐIỂM	TOẠ ĐỘ N	TOẠ ĐỘ E
1	R1	1629906.337	520755.874
2	R2	1629734.087	520547.309
3	R3	1629668.654	520425.900
4	R4	1629616.355	520346.065
5	R5	1629597.957	520127.153
6	R6	1629596.693	520044.568
7	R7	1629601.909	519993.110
8	R8	1629620.253	519910.678
9	R9	1629670.313	519793.227
10	R10	1629824.513	519630.122
11	R11	1629833.114	519590.995
12	R12	1629703.303	519473.603
13	R13	1629688.478	519373.576
14	R14	1628628.579	519373.372
15	R15	1628499.136	519648.845
16	R16	1628568.776	519670.909
17	R17	1628789.119	519672.992
18	R18	1628789.119	519805.074
19	R19	1628798.119	519814.074
20	R20	1628908.764	519813.947
21	R21	1628916.915	519646.324
22	R22	1628921.917	521107.069
23	R23	1629060.935	521197.835
24	R24	1629137.668	521212.912
25	R25	1629156.002	521129.426
26	R26	1629167.802	521108.103
27	R27	1629169.112	521185.838
28	R28	1629184.845	521190.430
29	R29	1629199.265	521204.661
30	R30	1629211.065	521225.193
31	R31	1629212.374	521269.795
32	R32	1629220.896	521286.852
33	R33	1629234.661	521298.001
34	R34	1629255.637	521304.558
35	R35	1629304.798	521302.593
36	R36	1629383.488	521310.489
37	R37	1629407.926	521299.236
38	R38	1629444.636	521229.711
39	R39	1629511.495	521177.235
40	R40	1629563.550	521129.880
41	R41	1629693.993	521079.376
42	R42	1629699.891	521055.107
43	R43	1629697.927	521027.556
44	R44	1629689.405	521010.498
45	R45	1629737.560	520954.948
46	R46	1629827.832	520877.544
47	R47	1629865.926	520826.500